TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HOÀ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 103/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2023
"*V/v Ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Duy Thương.
2. Ông Nguyễn Chí Lin.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 327/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 109/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự**:**

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm: 1989.
Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1986.
Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
(Bà X và ông T xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 27 tháng 3 năm 2023 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Công T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 31 tháng 12 năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất hòa trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, cuộc sống chung không phù hợp nên ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay bà X xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên xin ly hôn ông T.

Về con chung: Bà X khai, bà X và ông T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2010. Khi ly hôn, bà X xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà X khai, bà X và ông T chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà X khai, bà X và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời trình bày của ông Nguyễn Công T: Ông T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà X và xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà căn cứ các kết quả thẩm tra, xét hỏi tại phiên Toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn ông Nguyễn Công T có hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị X và bị đơn ông Nguyễn Công T đều xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà X và ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Công T chung sống với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Mỹ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 31 tháng 12 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân của bà X và ông T được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà X và ông T chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay bà X và ông T xét thấy nguyên nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không con đạt được nên hai bên thống nhất thuận tình ly hôn. Xét sự thỏa thuận giữa bà X và ông T về việc thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Về con chung: Bà X khai, bà X và ông T chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2010. Khi ly hôn, bà X xin được quyền nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và ông T cũng đồng ý theo yêu cầu của bà X. Xét sự thỏa thuận giữa bà X và ông T về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Bà X và ông T thống nhất khai, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà X và ông T thống nhất khai, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị X xin ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị X được ly hôn với ông Nguyễn Công T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị X được quyền tiếp tục nuôi con chung tên con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2010 hiện bà X đang nuôi. Ông Nguyễn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà X không yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom cháu M mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T theo quy định của pháp luật. Bà X cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của ông T.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì ông T, bà X, người thân thích của các cháu M, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà X và ông T thống nhất khai, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà X và ông T thống nhất khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước, được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí mà bà X đã nộp theo biên lai số 8318 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành.

Án này là sơ thẩm, bà X và ông T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- TAND tỉnh Long An.
- UBND xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp